**PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

--------------------

**KHẢO SÁT ĐỘNG THÁI DOANHNGHIỆP VIỆT NAMQUÝ I/2020
VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DN VƯỢT QUACOVID-19**

Khảo sát này đểcập nhật nhanhvề “sức khỏe” của doanh nghiệp Việt Nam đồng thời đánh giá về việc doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để vượt qua tác động của dịch Covid-19, sử dụng để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại *Hội nghị toàn quốc của Thủ tướng với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh trong bối cảnh ứng phó dịch Covid-19*.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng mời các Quý Doanh nghiệp dành thời trả lời khảo sát này và gửi về Viện Phát triển doanh nghiệp/VCCI theo email: huanlm@vcci.com.vn hoặc luongminhhuan@gmail.com.

**PHẦN I.THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

**1.1. Tên doanh nghiệp:**

**1.2. Nơi đặt trụ sở chính của DN** *(tỉnh/thành phố):*

**1.3. Mã số thuế:**

**1.4. Điện thoại**:

**1.5. Loại hình doanh nghiệp:**

|  |  |
| --- | --- |
| ☐Công ty hợp danh | ☐Doanh nghiệp tư nhân |
| ☐Công ty TNHH | ☐Công ty cổ phần |

**1.6. Loại hình sở hữu:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ☐Khu vực nhà nước | ☐Khu vực tư nhân | ☐Khu vực FDI |

**1.7. Ngành nghề kinh doanh chính:***Click vào để lựa chọn ngành nghề kinh doanh*

**1.8. Số lao động tại thời điểm hiện tại:**

|  |  |
| --- | --- |
| ☐≤ 10 lao động  | ☐10 lao động <….. ≤ 50 lao động |
| ☐50lao động <….. ≤ 100 lao động | ☐100 lao động <….. ≤ 200 lao động |
| ☐> 200 lao động |  |

**1.9. Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp (tỷ đồng):**

|  |  |
| --- | --- |
| ☐≤ 3 tỷ đồng | ☐3 tỷ đồng <….. ≤ 20 tỷ đồng |
| ☐20 tỷ đồng <….. ≤ 50 tỷ đồng | ☐50 tỷ đồng <….. ≤ 100 tỷ đồng |
| ☐> 100 tỷ đồng |  |

**1.10. Doanh nghiệp có tham gia hoạt động xuất nhập khẩu hay không:**

|  |  |
| --- | --- |
| ☐ Không | ☐Có xuất khẩu |
| ☐Có nhập khẩu | ☐ Cả xuất và nhập khẩu |

**PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

**2.1.Đánh giá thực trạngtình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp quý I/2020 so với quý IV/2019*:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Tăng lên** | **Cơ bản ổn định** | **Giảm đi** |
|  | Tổng doanh thu | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Lượng đơn đặt hàng mới | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Giá bán bình quântrên đơn vị sản phẩm | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Giá thành bình quân trên đơn vị sản phẩm | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Sản phẩm tồn kho | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Nguyên vật liệu tồn kho | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Số lượng công nhân viên | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Lượng mua nguyên vật liệu đầu vào | ☐ | ☐ | ☐ |

**2.2. So với kế hoạch kinh doanh đã đề ra, DN hoàn thành ở mức độ nào trong Quý I/2020?**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Vượt kế hoạch** | **Hoàn thành kế hoạch** | **75% - 99% kế hoạch** | **50% - 75% kế hoạch** | **Dưới 50% kế hoạch** |
| 1 | Kế hoạch doanh thu | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 2 | Kế hoạch lợi nhuận  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 3 | Kế hoạch phát triển thị trường  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 4 | Kế hoạch phát triển sản phẩm  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

**2.3. Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệpQuý II/2020 so với Quý I/2020*:***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Tăng lên** | **Cơ bản ổn định** | **Giảm đi** |
|  | Tổng doanh thu | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Lượng đơn đặt hàng mới | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Giá bán bình quântrên đơn vị sản phẩm | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Giá thành bình quân trên đơn vị sản phẩm | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Sản phẩm tồn kho | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Nguyên vật liệu tồn kho | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Số lượng công nhân viên | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Lượng mua nguyên vật liệu đầu vào | ☐ | ☐ | ☐ |

**2.4.Đánh giá của doanh nghiệp về chuyển biến của các điều kiện sản xuất kinh doanhliên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Quý I/2020 so với Quý IV/2019.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Tốt lên** | **Không đổi** | **Kém đi** |
|  | Nhu cầu thị trường  | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận các nguồn nguyên vật liệu đầu vào | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận vốn vay | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Cung ứng lao động theo yêu cầu | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận các công nghệ mới | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận nguồn thông tin (về thị trường, công nghệ,…) | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Điều kiện hạ tầng tiện ích (điện, nước, xử lý nước thải…) | ☐ | ☐ | ☐ |

**2.5.Dự báo của doanh nghiệp về chuyển biến của các điều kiện sản xuất kinh doanh liên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Quý II/2020 so với quý I/2020.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Tốt lên** | **Không đổi** | **Kém đi** |
|  | Nhu cầu thị trường  | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận các nguồn nguyên vật liệu đầu vào | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận vốn vay | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Cung ứng lao động theo yêu cầu | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận các công nghệ mới | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận đất đai và mặt bằng sản xuất kinh doanh | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Tiếp cận nguồn thông tin (về thị trường, công nghệ,…) | ☐ | ☐ | ☐ |
|  | Điều kiện hạ tầng tiện ích (điện, nước, xử lý nước thải…) | ☐ | ☐ | ☐ |

**2.6. Kế hoạch của doanh nghiệp Quý III năm 2020 là:**

|  |  |
| --- | --- |
| ☐ Mở rộng kinh doanh  | ☐Giữ nguyên quy mô kinh doanh |
| ☐ Giảm qui mô kinh doanh | ☐Thay đổi lĩnh vực kinh doanh |
| ☐ Tạm dừng hoạt động | ☐ Đóng cửa, giải thể. |

**PHẦNIII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH BỆNH COVID-19ĐẾN DOANH NGHIỆP**

***(Các câu hỏi trong phần này được tính đến thời điểm 20/4/2020)***

**3.1. Đâu là các tác động của dịch Covid-19 đến hoạt động của doanh nghiệp?** *(có thể chọn nhiều phương án)*

☐ Doanh thu giảm do thu hẹp thị trường xuất khẩu/thị trường nội địa

☐ Khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào

☐Thiếu hụt lực lượng lao động phù hợp

☐Thiếu vốn/dòng tiền trong kinh doanh

☐Khó khăn trong việc duy trì sản xuất đáp ứng đơn hàng đã ký

☐ Cản trở hoạt động kinh doanh do các biện pháp cách ly xã hội, phòng dịch

☐Khác (chi tiết): ……………………………………………………………….

**3.2. Doanh thu của doanh nghiệp bị tác động như thế nào bởi dịch COVID-19 nếu so kế hoạch dự kiến***(ghi rõ % tăng hoặc giảm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ☐ Tăng ……. % | ☐ Không đổi | ☐Giảm ……. % |

**3.3. Số lao động bình quân của doanh nghiệp bị tác động như thế nào bởi dịch COVID-19 nếu so kế hoạch dự kiến***(ghi rõ % tăng hoặc giảm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ☐ Tăng ……. % | ☐ Không đổi | ☐Giảm ……. % |

**3.4. Nếu tình hình dịch bệnh như hiện nay vẫn kéo dài đến hết Quý II/2020, doanh nghiệp sẽ duy trì hoạt động thêm được bao lâukể từ thời điểm trả lời phiếu khảo sát này?**

☐Từ 1-3 tháng☐Từ 3-6 tháng ☐Từ 6 – 12 tháng ☐> 1 năm

**3.5. Trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát ở Việt Nam, Doanh nghiệp có tiếp các đoàn Thanh kiểm tra - Xử phạt hành chính không** *(có thể chọn nhiều phương án)*

☐Không có đoàn Thanh kiểm tra – Xử phạt hành chính

☐Thanh kiểm tra từ Thanh tra Chính phủ, thanh tra bộ ngành, địa phương

☐Thanh kiểm tra từ cơ quan thuế

☐Thanh kiểm tra từ cơ quan hải quan

☐Thanh tra chuyên ngành về BHXH

☐Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN

☐Xử phạt hành chính vì nợ BHXH từ 31/12/2019 trở về trước

☐Thanh kiểm tra khác (chi tiết): …………………………………………………………………

**3.6. Doanh nghiệp đã tiếp cận được các chính sách hỗ trợ gì từ các chính sách hỗ trợ của nhà nướcđể vượt qua dịch Covid-19 chưa?**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Không có nhu cầu tiếp cận** | **Chưa biết thông tin cụ thể** | **Đã biết thông tin nhưng không thể tiếp cận** | **Đang làm thủ tục tiếp cận** | **Đã được hưởng** |
| 1 | Giữ nguyên nhóm nợ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 2 | Gia hạn trả nợ ngân hàng | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 3 | Vay mới với lãi suất ưu đãi | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 4 | Giảm lãi suất các khoản đã vay | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 5 | Miễn, giảm phí thanh toán giao dịch quốc tế | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 6 | Miễn, giảm phí thanh toán giao dịch nội địa | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 7 | Vay ngân hàng c/sách với lãi suất 0% để trả lương | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 8 | Gia hạn nộp thuế GTGT  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 9 | Gia hạn nộp thuế TNDN | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 10 | Gia hạn tiền nộp thuế TNCN | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 11 | Gia hạn nộp tiền thuê đất | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 12 | Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 13 | Hoãn đóng phí công đoàn | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 14 | Khác (chi tiết): …………………………… | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

**3.7. Đâu là lý do chínhkhiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước về Covid-19?***(chọncác phương án phù hợp)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | Thiếu các hướng dẫn cụ thể về chính sách | Thủ tục để được hưởng các chính sách này phức tạp | Khó thỏa mãn các điều kiện để được hưởng  | Thời gian chờ đợi để được hưởng quá lâu | Lý do khác |
| 1 | Giữ nguyên nhóm nợ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 2 | Gia hạn trả nợ ngân hàng | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 3 | Vay mới với lãi suất ưu đãi | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 4 | Giảm lãi suất các khoản đã vay | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 5 | Miễn, giảm phí thanh toán giao dịch quốc tế | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 6 | Miễn, giảm phí thanh toán giao dịch nội địa | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 7 | Vay ngân hàngc/sách với lãi suất 0% để trả lương | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 8 | Gia hạn nộp thuế GTGT  | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 9 | Gia hạn nộp thuế TNDN | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 10 | Gia hạn tiền nộp thuế TNCN | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 11 | Gia hạn nộp tiền thuê đất | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 12 | Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 13 | Hoãn đóng phí công đoàn | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| 14 | Khác (chi tiết): ………………………. | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

***Chi tiếtvề lý do “Khó thỏa mãn các điều kiện để được hưởng” hoặc “Lý do khác”***

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

**3.8. Doanh nghiệp có kiến nghị gì khác với Nhà nước và VCCI để hỗ trợ vượt qua dịch Covid-19?**

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………

***Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!***